

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 14 tháng 4 năm 2021  
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đình Tuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Thế Chiến.

2. Bà Bùi Thị Thiềm.

***Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thu Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nhật – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số X thôn Q, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Bùi Thanh Q, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số Y thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:* Tôi chung sống với anh Bùi Thanh Q trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2017 tại UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, mâu thuẫn càng ngày càng căng thẳng. Chúng tôi đã sống ly thân được khoảng 5 tháng. Nay tôi nhận thấy không còn tình cảm với anh Q nữa, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Thanh Q.

Về con chung: Vợ chồng tôi có một con chung là cháu Bùi Gia K, sinh ngày 03/11/2017. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi trưởng thành, tôi không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi xin chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Bùi Thanh Q trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn và con chung như chị T trình bày ở trên là hoàn toàn đúng. Tôi với chị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2017 tại UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi cưới, vợ chồng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, có xảy ra cãi nhau. Chúng tôi đã sống ly thân được khoảng 4 tháng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã căng thẳng nên tôi cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng tôi có một con chung là cháu Bùi Gia K, sinh ngày 03/11/2017. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi trưởng thành, tôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

Bị đơn cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T, bị đơn anh Bùi Thanh Q là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 147 BLTTDS, cho chị Nguyễn Thị Thùy T ly hôn anh Bùi Thanh Q.

Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung là cháu cháu Bùi Gia K, sinh ngày 03/11/2017. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi trưởng thành. Hiện nay cháu K đang còn quá nhỏ nên giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thùy T có đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Bùi Thanh Q nên HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Bị đơn anh Bùi Thanh Q đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn thôn H, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[1. 2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Bùi Thanh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Bùi Thanh Q đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/6/2017, là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Vợ chồng anh chị hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cãi vã, tình cảm không còn, nay chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, quá trình chung sống giữa chị T, anh Q thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Anh chị đã sống ly thân được khoảng 5 tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung là cháu Bùi Gia K, sinh ngày 03/11/2017. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến tuổi trưởng thành. Hiện con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét về quyền lợi mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, xét thấy chị T có thu nhập ổn định. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung : Nguyên đơn xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Bùi Thanh Q.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Gia K, sinh ngày 03/11/2017 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 14910 ngày 13 tháng 01 năm 2021.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Ea;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Đình Tuyên**